

UNIT 9:**TOURISM****SKILLS 1****I/ NEW WORDS:**

- air	(v) : phát sóng
- magnificence	(n) : sự nguy nga, tráng lệ
- erode away	(v) : mòn đi
- underneath	(prep) : dưới, bên dưới
- stalagmite	(n) : măng đá
- entire	(adj) : toàn bộ, hoàn toàn
- permit	(n) : giấy phép
- grant a permit	(v) : cấp giấy phép
- inaccessible	(adj) : ko tiếp cận được
- habitat	(n) : môi t.sống, chỗ cư trú
- hippo = hippopotamus	(n) : hà mã
- cheetah	(n) : loài báo Gê Pa
- pace	(n) : bước đi